

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (FISHIPCO)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200140967**
- Vốn điều lệ: **56.249.660.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **56.249.660.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 2 Phan Đình Phùng – Phường Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng – Việt Nam**
- Website: **www.dongtauthuysan.vn**
- Mã cổ phiếu: **FSO**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam tiền thân là DNNN, thành viên của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số: 613/QĐ-BTS ngày 11/08/2006 của Bộ Thủy sản và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007.

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200140967 lần đầu ngày 11/12/2006 và thay đổi lần thứ 8 ngày 07/02/2025.

Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng tháng 11 năm 2007.

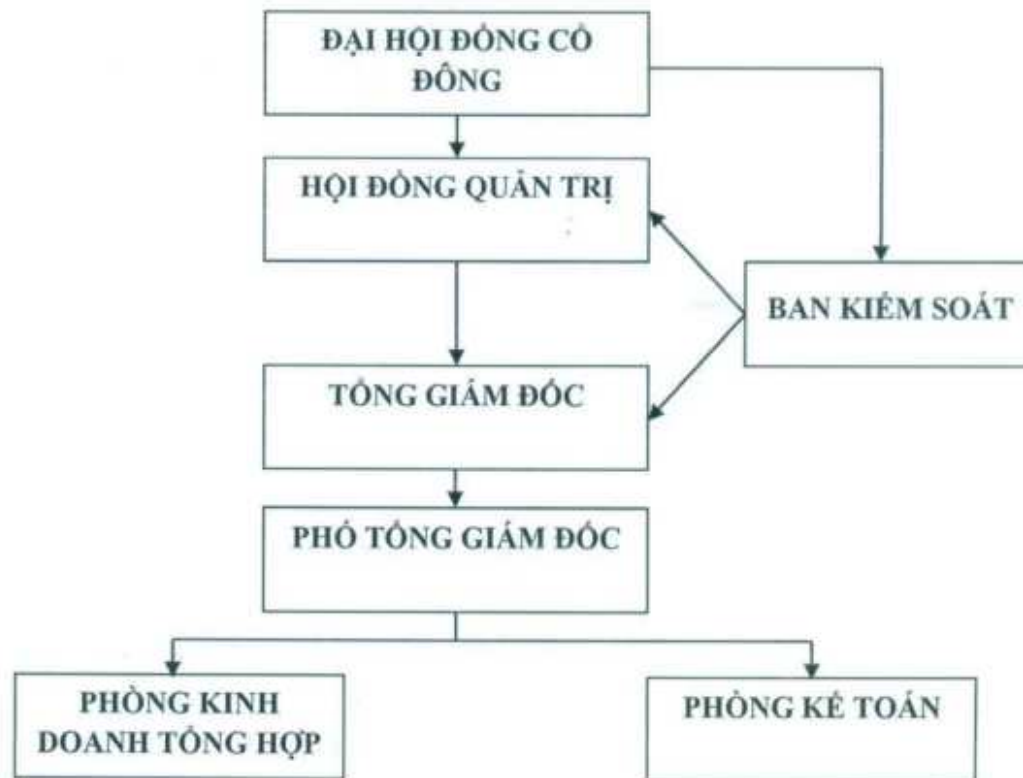
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - + *Đóng tàu và cấu kiện nổi;*
 - + *Sửa chữa các loại phương tiện thủy;*
 - + *Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu;*
 - + *Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;*
 - + *Trông giữ xe ô tô...*
- Địa bàn kinh doanh:
 - + *Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng (Khu đất Hồng Bàng);*
 - + *Số 36 đường Khánh Thịnh, phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng (Khu đất Vật Cách).*

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS).

a) Hội đồng quản trị:

HDQT có 03 thành viên trong đó có 01 Chủ tịch và 02 Thành viên. HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) Ban kiểm soát:

Thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 Thành viên trong đó có 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Ban Tổng giám đốc gồm 02 Thành viên (Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc); 01 Kế toán trưởng do HDQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HDQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp việc cho Tổng giám đốc công ty theo sự phân công.

d) Các bộ phận chức năng và bộ phận trực thuộc:

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho ban Tổng giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh tổng hợp.

e) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trước tình hình hiện tại, về mặt bằng tại khu đất Hồng Bàng, Công ty tiếp tục duy trì các khách hàng đang thuê nhà xưởng, kho và dịch vụ trông coi xe ô tô và sẽ duy tu, sửa chữa một số gian Kiot xuống cấp để tiếp tục cho thuê, triển khai, khảo sát và quy hoạch mặt bằng còn trống để khai thác triệt để theo hiện trạng sẵn có. Còn về mặt bằng tại khu đất Vật Cách, Công ty sẽ tiếp tục duy trì những khách hàng đang thuê nhà xưởng, tìm kiếm khách hàng cho thuê khu vực mặt bằng bãi đóng tàu, cầu cảng và mặt sân bê tông trước khu nhà điều hành..., tiếp tục đôn đốc đối tác đang thuê mặt bằng đóng tàu khu vực bãi triển dọc 6.500DWT giải phóng tàu đang đóng dở dang để bàn giao lại mặt bằng, Công ty sẽ tìm kiếm đối tác khác có tiềm năng hơn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Đây cũng là mục tiêu, là chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty góp phần bảo vệ lợi ích cho người lao động và các cổ đông.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	(%) 2025/2024	Ghi chú
1.	Tổng tài sản	61.658.442.774	57.765.706.121	106,74%	
2.	Doanh thu thuần	8.953.881.282	6.306.498.265	141,98%	
3.	Giá vốn hàng bán	1.410.198.042	1.355.637.312	104,02%	
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.609.960.228	1.303.414.105	276,96%	
5.	Lợi nhuận khác	(542)	(853.955)		
6.	Lợi nhuận trước thuế	3.609.959.686	1.302.560.150	277,14%	
7.	Lợi nhuận sau thuế	3.367.831.562	1.302.560.150	258,55%	
8.	Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	-	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Theo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 20/2025/NQ-ĐHTS-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH 2025/ KH 2025
1.	Tổng doanh thu	8.200.000.000	11.245.861.856	137,14%
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.300.000.000	3.609.959.686	277,69%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Lương Thế Long	Tổng giám đốc	
2.	Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng giám đốc	
3.	Bà Ngô Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	

Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

1. Ông Lương Thế Long: Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 22/8/1978,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031078016408 - Ngày cấp: 01/03/2022 - Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quê quán: Tổ dân phố Vân Tra, phường An Hải, thành phố Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Ngọc Trai 10.05 KĐT Vinhomes Marina, tổ 20, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Bí thư chi bộ, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2001 – 12/2001	Nhà máy đóng tàu Sông Cấm	Cán bộ kỹ thuật
01/2002 – 06/2003	Nghỉ ở nhà để liên hệ xin chuyển cơ quan khác	
06/2003 – 10/2004	Công ty vận tải Biển Bắc	Ban đóng mới
10/2004 – 10/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
10/2015 – 7/2017	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất
7/2017 – 9/2019	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên BKS
09/2019 – 10/12/2020	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng kế hoạch vật tư Thành viên BKS
Từ 10/12/2020 đến 14/8/2023	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc
Từ 14/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc,

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 880.000 CP chiếm tỷ lệ 15,64% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 36.000 CP chiếm tỷ lệ 0,64%,
- + Đại diện sở hữu: 844.000 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 15% VDL.

2. Ông Vũ Hồng Trường: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 06/12/1971,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031071012702 - Ngày cấp: 28/06/2021 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH,
- Quê quán: phường Hải An, thành phố Hải Phòng
- Nơi ở hiện nay: Số 186 Lô 16 MR, Trung Hành 5, phường Hải An, thành phố Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc, người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dầu khí VTT,
- Quá trình công tác:

1140
 Công ty Cổ phần
 Dầu khí Việt Nam

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 5/2000 đến 7/2009	Công ty cơ khí đóng tàu Thủy sản Hải Phòng	Nhân viên phòng kế hoạch
Từ 8/2009 đến 8/2012	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế hoạch sản xuất ; Tổ trưởng Tổ Công đoàn Phòng kế hoạch sản xuất; Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam - khóa V (nhiệm kỳ 2009 - 2011); UV Chi bộ I - Đảng ủy
Từ 8/2012 đến 3/2013	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó Giám đốc Xí nghiệp – Phụ trách Xí nghiệp KDTH; Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam - khóa VI (nhiệm kỳ 2012 - 2014)

<p>Từ 3/2013 đến 11/2016</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp; tháng 9/2015 kiêm nhiệm phó phòng KHSX; Chi ủy viên chi bộ văn phòng - Đảng ủy Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa 11 nhiệm kỳ 2014-2017); tháng 4 năm 2015 Thư ký Hội đồng quản trị Công ty.</p>
<p>Từ 11/2016 đến 11/2017</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Phó Phòng Kế hoạch sản xuất; Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty; Đảng Ủy viên Đảng bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XI, nhiệm kỳ 2015-2020); đến tháng 6/2017 Phó Bí thư chi bộ Văn Phòng (Khóa XII, nhiệm kỳ 2017-2020); tháng 8 năm 2017 Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022)</p>
<p>Từ 11/2017 đến 12/2020</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính; Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty; Đảng Ủy viên Đảng bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XI, nhiệm kỳ 2015-2020); Phó Bí thư chi bộ Văn Phòng (Khóa XII, nhiệm kỳ 2017-2020); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022)</p>
<p>Từ 12/2020 đến 14/8/2023</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Trưởng Phòng Kinh Doanh Tổng Hợp; Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty; Chi Ủy viên Chi bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu</p>

967
 CÔNG TY
 THỦY SẢN
 VIỆT NAM
 BÁO CÁO

		Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VIII, Nhiệm kỳ 2023-2028)
Từ 14/8/2023 đến 30/06/2025	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty; Chi Ủy viên Chi bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VIII, Nhiệm kỳ 2023-2028)
Từ 01/07/2025 đến nay	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty; Phó bí thư chi bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (2025-2030)

07
 NAM
 G.T.F

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 19.900 CP chiếm tỷ lệ 0,36%/VĐL.

3. Bà Ngô Thị Thu Hà: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ,
- Sinh ngày: 22/10/1987,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031187008127 - Ngày cấp: 23/3/2022 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH,
- Quê quán: Xã Vĩnh Am, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Số 27 ngõ 580 Ngô Gia Tự, phường Hải An, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế,
- Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2009 – 7/2011	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát	Trợ lý kiểm toán
7/2011 – 7/2013	CN Công ty CP xây lắp Hải Long	Kế toán tổng hợp
7/2013 – 8/2015	Công ty CP Quý Tùng Hương	Kế toán trưởng
8/2015 – 1/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế toán
01/2016 – 6/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
6/2016 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động: 19 người

STT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	I/ Phân loại theo giới tính		
1	Nam	16	84,21
2	Nữ	3	15,79
	Cộng	19	100
	II/ Phân loại theo trình độ		
1	Số lao động có trình độ trên đại học		
2	Số lao động có trình độ đại học	9	47,37
3	Số lao động có trình độ cao đẳng	1	5,26
4	Số lao động có trình độ trung cấp	4	21,05
5	Số lao động khác	5	26,32

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng, thực hiện trả lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty căn cứ vào mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc và tiền lương khoán sản phẩm, đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Cuối năm và các dịp lễ tết, Công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp các khoản bảo hiểm được công ty trích nộp theo đúng quy định hiện hành.

Chính sách đào tạo: Hàng năm, tùy theo yêu cầu công việc, công ty đều tiến hành cử cán bộ, công nhân viên đi học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ và tay nghề.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**3.1 Các khoản đầu tư lớn:** Không có.**3.2 Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.**4. Tình hình tài chính****4.1 Tình hình tài chính:** Đã được nêu tại mục II, khoản 1 trong báo cáo này.**4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	30,48	33,53	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	30,33	33,33	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,037	0,03	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,038	0,03	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,42	6,17	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,11	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,38	0,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,057	0,023	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,055	0,23	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,4	0,21	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1 Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.624.966. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 5.624.966 cổ phần;
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	182	5.624.966	56.249.660.000	100,00%
+ Tổ chức	02	3.612.841	36.128.410.000	64,23%
+ Cá nhân	180	2.012.125	20.121.250.000	35,77%
Tổng cộng	182	5.624.966	56.249.660.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:****Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:**

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh Công ty và trong khu vực. Ý thức được vấn đề đó, Công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường:

- Trang bị các thùng để chứa rác thải công nghiệp sau khi đã phân loại, thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Công ty có ký hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Hòa Anh. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty CP Hòa Anh bố trí phương tiện đến thu gom chất thải nguy hại phát sinh: giẻ lau, gang tay dính dầu, mỡ công nghiệp, bao bì cứng thải, gỉ sắt, các loại chất thải khác,...

- Đầu tư hệ thống PCCC ngoài nhà tại cơ sở II khu Vật Cách đảm bảo chấp hành các quy định về an toàn, PCCC tại các cơ sở của Công ty và các đơn vị thuê mặt bằng.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa tiết kiệm, có lợi cho môi trường và xã hội; có lợi cho Công ty: giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện

6.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định hoạt động SXKD, khai thác hiệu quả tài sản hiện có, kiểm soát chặt chẽ chi phí và từng

bước xử lý các tồn tại kéo dài từ những năm trước.

Nhận định ngay từ đầu năm 2025 trong bối cảnh thị trường cho thuê mặt bằng, kho bãi còn nhiều khó khăn; các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, môi trường ngày càng siết chặt; lãi suất tiền gửi ngân hàng có xu hướng giảm..., tuy nhiên trong năm Ban điều hành đã chủ động điều hành linh hoạt, thận trọng, ưu tiên mục tiêu an toàn tài chính và ổn định lâu dài. Do đó hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty cơ bản được duy trì ổn định và đạt kết quả tích cực, vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động tài chính năm 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	% TH 2025/ KH 2025	% TH 2025/ TH 2024
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8,2	11,24	8,38	137,07	134,13
<i>1.1 - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, trông coi xe ô tô, cho thuê Kiot, dịch vụ máy gập rơm, ...</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>6,3</i>	<i>8,95</i>	<i>6,30</i>	<i>142,06</i>	<i>142,06</i>
<i>1.3 - Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,9</i>	<i>2,29</i>	<i>2,08</i>	<i>120,53</i>	<i>110,10</i>
2- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,3	3,61	1,30	277,69	277,69

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	2025	2024	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	42.042.153.755	37.041.968.760	5.000.184.995
	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.415.850.967	355.168.788	1.060.682.179
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.000.000.000	34.500.000.000	3.500.000.000
	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.200.227.886	1.955.417.710	244.810.176
	Hàng tồn kho	219.799.519	219.799.519	-
	Tài sản ngắn hạn khác	206.275.383	11.582.743	194.692.640
2	Tài sản dài hạn	19.616.289.019	20.723.737.361	(1.107.448.342)
	Phải thu dài hạn			
	Tài sản cố định & BĐS đầu tư	18.713.706.919	19.900.702.574	(1.186.995.655)
	Tài sản dở dang dài hạn	265.842.539	265.842.539	
	Tài sản dài hạn khác	636.739.561	557.192.248	79.547.313
	Tổng tài sản	61.658.442.774	57.765.706.121	3.892.736.653

Tổng tài sản tăng so với đầu năm là 5.000.184.995 đồng. Nguyên nhân chính là do tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tăng 4,56 tỷ đồng, Các khoản phải thu ngắn hạn là dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tăng 244.810.176 đồng và tài sản dài hạn giảm 1.107.448.342 đồng do chi phí khấu hao phát sinh.

10/ 4.4.2025

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ban Tổng giám đốc Công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, nhận định các yếu tố tác động trong năm 2026 và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Ban điều hành Công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

4.1. Nâng cao hiệu quả khai thác mặt bằng và tài sản hiện có

Tiếp tục rà soát toàn bộ quỹ mặt bằng, nhà xưởng, bến bãi và các hạng mục hạ tầng hiện có nhằm xây dựng phương án khai thác phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu pháp lý. Chủ động tìm kiếm, lựa chọn các đối tác có năng lực, hoạt động ngành nghề phù hợp, ưu tiên các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cơ khí đóng tàu, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và đảm bảo nguồn thu ổn định, lâu dài cho Công ty.

4.2. Tăng cường công tác quản lý tài chính và kiểm soát chi phí

Thực hiện quản lý chặt chẽ các khoản thu – chi; tiếp tục rà soát, tiết giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường công tác quản lý công nợ, hạn chế tối đa việc phát sinh nợ xấu mới; chủ động hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến thuê đất, đặc biệt là đối với phần diện tích tại khu vực Hạ Lý sắp hết thời hạn thuê, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc khai thác tài sản ổn định, lâu dài.

4.3. Nâng cao ý thức, vận hành hiệu quả an toàn PCCC

Vận hành hệ thống PCCC ngoài nhà theo đúng quy định tại Cơ sở II – Khu vực Vát Cách. Đồng thời, tổ chức huấn luyện, tập huấn, diễn tập định kỳ về PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho người lao động; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về an toàn, PCCC tại các cơ sở của Công ty và các đơn vị thuê mặt bằng.

4.4. Duy tu, bảo trì và nâng cấp cơ sở hạ tầng

Triển khai các hạng mục duy tu, bảo trì hạ tầng trọng điểm theo kế hoạch; từng bước cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường làm việc, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác và vận hành. Việc đầu tư, sửa chữa được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng tài chính và định hướng khai thác lâu dài của Công ty.

4.5. Công tác tổ chức bộ máy và nhân sự

Tiếp tục duy trì bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức chấp hành kỷ luật lao động cho người lao động; đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, đoàn kết và trách nhiệm.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Hàng năm Công ty tiến hành bảo dưỡng, bảo trì trạm biến áp để tránh tổn hao điện, bảo vệ thiết bị máy móc và đảm bảo công tác trong phòng chống cháy nổ.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn chú trọng đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật; có chính sách thưởng tết và mua túi quà tết cho người lao động. Khuyến khích cho con em của người lao động bằng cách phát quất cho những em có thành tích học tập tốt, phát quà cho các cháu nhân dịp quốc tế thiếu nhi và tết trung thu.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn có sự chia sẻ khó khăn đối với địa phương trong khu vực: Đóng góp một phần nhỏ vật chất cho địa phương trong khu vực, thực hiện đóng góp quỹ trong công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung; tham gia đóng góp hỗ trợ đồng bào vùng lũ,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về nhân sự:

Trong năm 2025 Thành viên HĐQT Công ty có sự thay đổi

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2022	
3	Ông Lương Thế Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022	
4	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/10/2023, miễn nhiệm ngày 11/04/2025	
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2025	

1.2 Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:

Sản phẩm Công ty luôn cố gắng duy trì đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, các Quy chế/Quy định nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT nhằm triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước, HĐQT Công ty đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, cố gắng tìm giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng mọi cơ hội trong năm tài chính 2025. Trong quá trình điều hành, Ban điều hành đã nỗ lực vì sự phát triển của Công ty, thường xuyên xin ý

409H
 Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam

kiến HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra đã được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao và cố gắng hết sức nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2025. Ban điều hành ghi nhận và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của BKS Công ty để kiểm soát tình hình tài chính của Công ty. Tình hình tài chính của Công ty được kiểm soát, sử dụng hợp lý và đảm bảo an toàn vốn, tài sản.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ, thông qua các báo cáo của Ban điều hành. Ban điều hành thường xuyên lập báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động SXKD, đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/quý. Ngoài ra, Ban điều hành phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của BKS giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt tình hình hoạt động của Công ty để có thể đề ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường quản trị rủi ro cho các hoạt động SXKD của Công ty.

Ban điều hành thực hiện tốt các giải pháp theo chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và thu nhập ổn định cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu định hướng để phát triển Công ty theo nguyên tắc cẩn trọng, hiệu quả, tập trung vào một số mục tiêu nhiệm vụ chính như sau:

- Duy trì hoạt động kinh doanh đã và đang thực hiện, tập trung nghiên cứu phát triển mở rộng kinh doanh đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường phù hợp với nhu cầu và xu hướng hội nhập; đảm bảo hiệu quả hoạt động tốt nhất, an toàn tài chính cho Công ty và vì quyền lợi của cổ đông.
- Tận dụng mọi cơ hội về mặt bằng, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi hiện có trên cả 02 khu đất Thượng Lý và Vật Cách để kinh doanh dịch vụ hoặc cho thuê nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty; tích cực tìm kiếm khách hàng để khai thác hiệu quả hơn các mặt bằng của Công ty; bám sát về việc thay đổi quy hoạch, đơn giá cho thuê của các mặt bằng để có giải pháp phù hợp, kịp thời.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh trong mọi thời điểm; tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hành tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp; quản lý đôn đốc thu hồi công nợ khó đòi, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra; tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ và quản lý chặt chẽ các công nợ, nguồn tiền.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế/Quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.
- Chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo an toàn về mặt tài

chính, cân đối tiền vốn cho kinh doanh và đầu tư (nếu có); tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh; tiếp tục duy trì bộ máy tổ chức tinh gọn, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung vào việc nghiên cứu thị trường để đưa ra phương án đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh và dịch vụ có hiệu quả, tìm kiếm khách hàng/đối tác để phối hợp và cung ứng các dịch vụ khai thác tài sản sẵn có hiệu quả hơn.

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT. HĐQT sẽ liên hệ hợp tác tích cực với BKS của Công ty để thực hiện công tác kiểm tra định kỳ và thường xuyên, giám sát chéo lẫn nhau nhằm đảm bảo hiệu quả quản trị Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc từ ngày 14/8/2023	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2025	Thành viên HĐQT không điều hành



1.1.1 Ông Lê Vĩnh Hòa - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 12/11/1982,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 048082006750 - Ngày cấp: 10/02/2022 - Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH,
- Quê quán: Đà Nẵng,
- Nơi ở hiện nay: Căn hộ B14.04, Chung cư Jamona Heights, 210 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp,
- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó chủ tịch HĐQT CTCP Thủy sản số 4.
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung.
 - + Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.
 - + Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 – Tháng 09/2007	Công ty TNHH Minh Thông	Nhân viên kinh doanh.
Tháng 10/2007 – 02/2012	Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng – CN TP Hồ Chí Minh	Chuyên viên môi giới Trưởng phòng Môi giới Phó giám đốc Chi nhánh
Tháng 11/2012 – Tháng 8/2015	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Chuyên viên Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 8/2015 – Tháng 6/2017	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 6/2017 – Tháng 01/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 02/2020 – Tháng 10/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 10/2020 – Nay	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.539.400 CP chiếm tỷ lệ 27,37%/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.539.400 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam-CTCP) chiếm tỷ lệ 27,37% /VDL.

1.1.2. Ông Lương Thế Long – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 22/8/1978,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031078016408 - Ngày cấp: 01/03/2022 - Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quê quán: TDP Vân Tra, phường An Hải, thành phố Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Ngọc Trai 10.05 KĐT Vinhomes Marina, tổ 20, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Bí thư chi bộ, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2001 – 12/2001	Nhà máy đóng tàu Sông Cấm	Cán bộ kỹ thuật
01/2002 – 06/2003	Nghỉ ở nhà để liên hệ xin chuyển cơ quan khác	
06/2003 – 10/2004	Công ty vận tải Biển Bắc	Ban đóng mới
10/2004 – 10/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
10/2015 – 7/2017	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất
7/2017 – 9/2019	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên BKS
09/2019 – 10/12/2020	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng kế hoạch vật tư Thành viên BKS
Từ 10/12/2020 đến 14/8/2023	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc
Từ 14/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 880.000 CP chiếm tỷ lệ 15,64% VDL,
+ Sở hữu cá nhân: 36.000 CP chiếm tỷ lệ 0,64%,
+ Đại diện sở hữu: 844.000 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 15% VDL.

1.1.3 Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 05/02/1991,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 042091014896 - Ngày cấp: 22/11/2021 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,
- Địa chỉ thường trú: Số 44 Đường 14, KDC Cotec, Ấp 3, Xã Nhà Bè, TPHCM,
- Nơi ở hiện nay: Số 44 Đường 14, KDC Cotec, Ấp 3, Xã Nhà Bè, TPHCM,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh quốc tế,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị,



- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đồ hộp Hạ Long, Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản số 5,

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2019 - Nay	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Phó Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư
4/2021 - Nay	CTCP Đồ hộp Hạ Long	Thành viên BKS
4/2022 - Nay	CTCP Thủy sản số 5	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.124.800 CP chiếm tỷ lệ 19,99%/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.124.800 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam-CTCP) chiếm tỷ lệ 19,99% /VDL..

1.2 Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Thư ký Công ty (kiêm nhiệm) đã thực hiện tốt các công việc giúp Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chuẩn bị chương trình, nội dung , tài liệu phục vụ cho các cuộc họp HĐQT; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Dự thảo các Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT, các văn bản thuộc HĐQT ban hành; Kiểm tra các Tờ trình, các dự thảo văn bản của Ban Điều hành trình HĐQT đảm bảo theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty ...

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp: Trong năm HĐQT đã tiến hành 07 cuộc họp để quyết định một số vấn đề điều hành hoạt động của Công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Ông Lê Vinh Hòa	Chủ tịch HĐQT	7	100%	
2.	Ông Lương Thế Long	Thành viên	7	100%	
3.	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	3	42,86%	Miễn nhiệm từ ngày 11/04/2025
4.	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	4	57,14%	Bỏ nhiệm từ ngày 11/04/2025

- Các nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	--------------------------	------	----------

098
IG TY
PHÁP
CƠ KHÍ
THỦY SẢN
VIỆT
NAM

1	01/2025/NQ- ĐTTS-HĐQT	09/01/202 5	<p>- Thống nhất ghi nhận số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, đề nghị Ban điều hành Công ty lưu ý trong Báo cáo Hội đồng quản trị đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Sau khi có kết quả chính thức được kiểm toán, Ban điều hành Công ty căn cứ tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét để chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.</p> <p>- Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2024</p> <p>- Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.</p> <p>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngày đăng ký cuối cùng: 14/03/2025; + Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu phổ thông – 01 quyền biểu quyết; + Thời gian dự kiến đại hội: 11/04/2025; + Địa điểm và nội dung họp: Sẽ thông báo cụ thể trong Thư mời tham dự ĐHĐCĐ đến từng cổ đông. <p>- Thông qua việc giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ hoàn thiện thủ tục chốt danh sách cổ đông, gửi thông báo tới Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) về việc chốt danh sách cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; và chuẩn bị các tài liệu phục vụ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p>
2	06/2025/NQ- ĐTTS-HĐQT	21/02/202 5	<p>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025, như sau:</p>

(G) NA (C)

			<ul style="list-style-type: none"> + Ngày đăng ký cuối cùng: 14/3/2025; + Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu phổ thông – 01 quyền biểu quyết; + Thời gian dự kiến đại hội: 11/4/2025; + Địa điểm và nội dung họp: Sẽ thông báo cụ thể trong Thư mời tham dự ĐHĐCĐ đến từng cổ đông. <p>- Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ hoàn thiện thủ tục chốt danh sách cổ đông, gửi thông báo tới Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) về việc chốt danh sách cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (dự kiến ngày 14/3/2025); và chuẩn bị các tài liệu phục vụ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.</p>
<p>3</p>	<p>09/2025/NQ-ĐTTS-HĐQT</p>	<p>20/3/2025</p>	<p>- Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: 11/4/2025; Địa điểm: Hội trường Cơ sở 02 – Công ty cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Thôn Song Mai "nay là TDP Khánh Thịnh" , phường An Hồng, quận An Dương, Hải Phòng). <p>- Thông qua nội dung của Dự thảo Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.</p> <p>- Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.</p> <p>- Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc Báo cáo thù lao HĐQT, BKS trong năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.</p> <p>- Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình</p>



			<p>về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc miễn nhiệm TV HĐQT đối với Ông Trần Hữu Hoàng và bầu bổ sung TV HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2026 thay thế thành viên vừa được miễn nhiệm để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 - Giao TGD Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ hoàn thiện các tài liệu khách có liên quan tới Đại hội và thực hiện công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty theo kế hoạch đã được thông qua đúng quy định của Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật có liên quan.
4	22/2025/NQ-ĐTTS-HĐQT	11/4/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ghi nhận số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I năm 2025; Dự kiến hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II năm 2025; - Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2025 - Thống nhất thông qua việc phân phối mức thù lao HĐQT, BKS cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2025 sẽ thực hiện như năm trước
5	24/2025/NQ-ĐTTS-HĐQT	21/7/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ghi nhận kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2025 theo nội dung báo cáo của Ban điều hành. - Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2025.
6	29/2025/NQ-ĐTTS-HĐQT	24/9/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như tại Văn bản số 06/2025/ĐTTS-BKS ngày 12/9/2025 của Ban kiểm soát Công ty.

11/5/2025 - 9:09:14

			<p>- Giao Tổng giám đốc Công ty tiến hành thương thảo và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.</p>
7	32/2025/NQ-ĐTTS-HĐQT	23/10/2025	<p>- Thông qua Báo cáo số 87/2025/BC-ĐTTS ngày 17/10/2025 của Ban điều hành Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh Quý III năm 2025 và dự kiến kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2025. Đồng thời, để kết quả kinh doanh quý 4 năm 2025 và cả năm tốt nhất, đề nghị Ban điều hành Công ty lưu ý thực hiện một số giải pháp như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bám sát các chính sách quy hoạch của chính quyền địa phương tại Khu đất số 02 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng; tập trung rà soát, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan để đảm bảo gia hạn hợp đồng thuê đất tại khu đất này đúng tiến độ, hạn chế tối đa rủi ro phát sinh; và cập nhật biến động về đơn giá thuê đất để Công ty chủ động hơn trong lập kế hoạch tài chính. + Tích cực tìm kiếm khách hàng và đối tác tiềm năng cho thuê kho bãi, bến cảng còn trống nhằm tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, chủ động tìm kiếm các đối tác phù hợp với điều kiện hiện tại của Công ty. + Trích lập dự phòng đối với công nợ quá hạn liên quan đến Công ty Thắng Lợi với giá trị 216.876.314 đồng theo đúng quy định. + Xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty phù hợp với tình hình thực tế để trình Hội đồng quản trị xem xét trong kỳ họp lần tới và chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. <p>- Thông qua việc ghi nhận Báo cáo tài chính Quý III năm 2025 của Công ty.</p> <p>- Thông qua Tờ trình số 89/2025/TTr-ĐTTS ngày 17/10/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh mức trần tiền lương Ban điều</p>

18/10/2025

			hành của Công ty.
--	--	--	-------------------

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành trực tiếp Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của ban điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2025, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp đầy đủ của Hội đồng quản trị; thông qua đó việc giám sát vẫn được thực hiện thường xuyên và khách quan.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm Trưởng BKS từ ngày 26/10/2023	Thạc sĩ Tài chính quốc tế và Quản trị Kinh doanh
2.	Ông Trần Công Toại	Thành viên	Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 15/04/2022	Cử nhân
3.	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 26/10/2023	Thạc sĩ Kế toán

2.2 Cuộc họp của BKS Công ty:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Lưu Mạnh Cường	04/04	100%	100%	
2.	Ông Trần Công Toại	04/04	100%	100%	
3.	Bà Lê Cao Thùy Linh	04/04	100%	100%	

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp để thực hiện thông qua: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2025; thẩm định BCTC năm 2023 đã được kiểm toán; kế hoạch làm việc chung của BKS trong năm 2025; lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong 06 tháng đầu năm 2025, thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm 2025;... và các cuộc họp khác nhằm đảm bảo thường xuyên kiểm tra và giám sát toàn bộ tình hình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

7-C
KH
TH
CT N
ANC

2.3.1 Đối với Hội đồng quản trị Công ty

- Số thành viên HĐQT trong năm 2025 hoạt động đầy đủ theo quy định là ba (03) thành viên. Trong năm HĐQT đã tiến hành 07 cuộc họp trực tiếp và xin ý kiến biểu quyết bằng văn bản để quyết định một số vấn đề điều hành hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã thông qua nhiều nội dung quan trọng phục vụ công tác quản trị của Công ty và đã được thể hiện đầy đủ tại Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2025, báo cáo đã phản ánh đúng và đầy đủ các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2025, HĐQT đã quan tâm và chỉ đạo quyết liệt Ban điều hành trong các công việc quản trị điều hành Công ty. HĐQT Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

- Trong năm 2025, không có kiến nghị hay yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với HĐQT Công ty hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2.3.2 Đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban điều hành Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT; tiếp thu và triển khai kịp thời các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý điều hành, quản trị tài chính và quản lý lao động; triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty tuân thủ theo đúng thẩm quyền được quy định, theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

- Trong năm 2025, không có kiến nghị hay yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
Thành viên Hội đồng quản trị						
1.	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT		18		18
2.	Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	299,9	18		317,9
3.	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT		9,5		9,5
4.	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT		8,5		8,5



Thành viên Ban kiểm soát						
4.	Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng Ban kiểm soát		12		
5.	Ông Trần Công Toại	Thành viên Ban kiểm soát		12		
6.	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên Ban kiểm soát		12		

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

BCTC năm 2025 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh các BCTC đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán các doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép theo quy định.

BCTC năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam. Đây là đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của pháp luật, và BCTC không có ý kiến loại trừ của Kiểm toán viên.

- Ý kiến của Kiểm toán viên về các BCTC năm 2025 của Công ty như sau:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty được đính kèm tại phụ lục.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BDH Công ty;
- Ban kiểm soát (b/c);
- Lưu: VT, TK, HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Thế Long

Số: ~~A~~/2026/CV-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Báo
cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0979.668.870

Mã chứng khoán: FSO

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Công ty) xin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

Tại Báo cáo tài chính năm 2025 phát hành ngày 12 tháng 02 năm 2026, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng trên 10% so với năm 2024, số liệu theo bảng dưới đây:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.306.498.265	8.953.881.282	41,98%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.076.241.871	2.291.980.574	10,39%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.302.560.150	3.609.959.686	177,14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.302.560.150	3.367.831.562	158,55%

Lý do chênh lệch: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 tăng so với năm 2024: 2,65 tỷ đồng tương đương với 41,98%. Bên cạnh đó doanh thu hoạt động tài chính của Công ty năm 2025 tăng so với năm 2024 là 10,39%. Có được kết quả như vậy là do trong năm 2025 Công ty đã khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, phát sinh thêm nguồn thu mới đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí. Doanh thu hoạt động tài chính tuy chịu tác động bởi mặt bằng lãi suất giảm nhưng vẫn đạt được mức tăng trưởng so với kế hoạch.

Trên đây là phần giải trình về lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty tăng trên 10% so với năm 2024.

Kính xin Quý Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu KT

TỔNG GIÁM ĐỐC *HL*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Thế Long





ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	
Ông Lương Thế Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2025
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban
Ông Trần Công Toại	Thành viên
Bà Lê Cao Thủy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lương Thế Long, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Số: 26/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG TÁU – THỦY SẢN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông tấu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.042.153.755	37.041.968.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.415.850.967	355.168.788
1. Tiền	111		1.415.850.967	355.168.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.000.000.000	34.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	38.000.000.000	34.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.200.227.886	1.955.417.710
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.295.020.791	2.380.624.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	207.926.244	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.437.795.714	1.098.432.189
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.740.514.863)	(1.523.638.549)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	219.799.519	219.799.519
1. Hàng tồn kho	141		219.799.519	219.799.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.275.383	11.582.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	206.275.383	11.582.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.616.289.019	20.723.737.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.255.777.891	1.719.216.685
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.255.777.891	1.719.216.685
Nguyên giá	222		13.694.879.147	20.461.608.184
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.439.101.256)	(18.742.391.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	17.457.929.028	18.181.485.889
1. Nguyên giá	231		41.408.534.246	34.606.805.209
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.950.605.218)	(16.425.319.320)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.842.539	265.842.539
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	265.842.539	265.842.539
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		636.739.561	557.192.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	636.739.561	557.192.248
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61.658.442.774	57.765.706.121

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.259.706.153	1.734.801.062
I. Nợ ngắn hạn	310		1.379.156.153	1.104.751.062
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	119.130.725	119.130.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.919.895	12.169.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	384.344.351	197.621.081
4. Phải trả người lao động	314	4.14	467.717.154	384.358.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	27.481.648	25.779.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	367.227.328	327.981.328
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.335.052	37.710.056
II. Nợ dài hạn	330		880.550.000	630.050.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	880.550.000	630.050.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.398.736.621	56.030.905.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	59.398.736.621	56.030.905.059
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.050.000)	(83.050.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.090.727	36.090.727
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.299.043	3.194.299.043
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.736.851	(3.366.094.711)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(3.366.094.711)	(4.668.654.861)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.367.831.562	1.302.560.150
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61.658.442.774	57.765.706.121



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	8.953.881.282	6.306.498.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.953.881.282	6.306.498.265
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.410.198.042	1.355.637.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.543.683.240	4.950.860.953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.291.980.574	2.076.241.871
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	3.642.762
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.225.703.586	5.720.045.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.609.960.228	1.303.414.105
11. Thu nhập khác	31		-	7.879
12. Chi phí khác	32		542	861.834
13. Lợi nhuận khác	40		(542)	(853.955)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.609.959.686	1.302.560.150
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	242.128.124	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.367.831.562	1.302.560.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	599	232
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	599	232



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.609.959.686	1.302.560.150
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.195.620.651	1.325.632.483
Các khoản dự phòng	03		216.876.314	200.000.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.291.980.574)	(2.075.534.181)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.730.476.077	752.658.452
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(106.748.780)	222.427.275
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		353.174.813	52.859.205
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(79.547.313)	(65.602.984)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.022.842)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(20.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.853.331.955	941.641.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21		(242.926.244)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	(34.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		34.500.000.000	31.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.950.276.468	2.542.473.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.792.649.776)	(957.526.094)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.060.682.179	(15.884.146)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		355.168.788	371.052.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.415.850.967	355.168.788



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Hải Phòng theo Quyết định số 613/QĐ-BTS ngày 11 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là FSO.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.249.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 19 (31/12/2024: 18).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa các loại phương tiện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Trông giữ ô tô.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xi nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách	Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.
Xưởng Giấy	Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2025

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

Năm 2025

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 40 năm

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí băng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tàu sông: 10%;
- Dịch vụ cho thuê: 10%;
- Các dịch vụ khác: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa dịch vụ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ và một khu vực địa lý chính là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	281.800.283	300.547.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.134.050.684	54.620.973
Cộng	1.415.850.967	355.168.788

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	38.000.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	416.876.314	638.541.050
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	521.730.857
Công ty TNHH Vạn Lợi	254.136.972	254.136.972
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	248.689.500
Các khách hàng khác	853.587.148	717.525.691
Cộng	2.295.020.791	2.380.624.070

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Xây dựng và thiết bị PCCC Đức Phúc	207.926.244	-
Cộng	207.926.244	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	1.413.727.395	-	1.072.023.289	-
Phải thu khác	24.068.319	-	26.408.900	-
Cộng	1.437.795.714	-	1.098.432.189	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.740.514.863	-	1.523.638.549	-
Cộng	1.740.514.863	-	1.523.638.549	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp Tàu hút sông 2 - Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy 1	184.354.285	-	Trên 3 năm	184.354.285	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lục Hành	162.220.003	-	Trên 3 năm	162.220.003	-	Trên 3 năm
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	-	Trên 3 năm	248.689.500	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	416.876.314	-	Trên 3 năm	200.000.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	206.643.904	-	Trên 3 năm	206.643.904	-	Trên 3 năm
Cộng	1.740.514.863	-		1.523.638.549	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.755.623	-	141.755.623	-
Công cụ, dụng cụ	12.030.538	-	12.030.538	-
Hàng hóa	66.013.358	-	66.013.358	-
Cộng	219.799.519	-	219.799.519	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	351.553.488	375.541.740
Chi phí sửa chữa	186.811.150	110.151.871
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	98.374.923	71.498.637
Cộng	636.739.561	557.192.248

(*) Chi phí san lấp mặt bằng để sử dụng thửa đất thuê tại Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An (thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đến 28/8/2040).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tãng, giám Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	12.684.323.628	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	20.461.608.184
Mua trong năm	-	-	-	35.000.000	35.000.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.801.729.037)	-	-	-	(6.801.729.037)
Tại ngày 31/12/2025	5.882.594.591	4.335.009.824	3.092.896.797	384.377.935	13.694.879.147
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	11.384.829.104	3.915.287.663	3.092.896.797	349.377.935	18.742.391.499
Khấu hao trong năm	173.629.104	150.479.745	-	7.056.450	331.165.299
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.634.455.542)	-	-	-	(6.634.455.542)
Tại ngày 31/12/2025	4.924.002.666	4.065.767.408	3.092.896.797	356.434.385	12.439.101.256
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	1.299.494.524	419.722.161	-	-	1.719.216.685
Tại ngày 31/12/2025	958.591.925	269.242.416	-	27.943.550	1.255.777.891

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.870.725.512 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	4.652.027.236	-	-	4.652.027.236
Cơ sở hạ tầng	36.756.507.010	6.801.729.037	-	29.954.777.973
Cộng	41.408.534.246	6.801.729.037	-	34.606.805.209
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	3.853.973.580	124.836.288	-	3.729.137.292
Cơ sở hạ tầng	20.096.631.638	7.400.449.610	-	12.696.182.028
Cộng	23.950.605.218	7.525.285.898	-	16.425.319.320
Giá trị còn lại:				
Nhà	798.053.656			922.889.944
Cơ sở hạ tầng	16.659.875.372			17.258.595.945
Cộng	17.457.929.028			18.181.485.889

Không có bất động sản đầu tư được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 6.790.286.571 VND.

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê gồm:

- Nhà điều hành sản xuất, nhà kho, nhà tiện người cơ khí, ki ốt cho thuê, bãi đỗ xe ô tô khu vực Hạ Lý tại địa chỉ số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng;
- Nhà xưởng sản xuất khu cầu cảng, nhà kho, nhà vỏ tàu xí nghiệp cơ khí, sân bê tông, triển kéo tàu 6.500 tấn khu vực Vật Cách tại địa chỉ Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Hệ xe triển 6.500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
Cộng	265.842.539	265.842.539

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Đại học Dân lập Hải Phòng	69.090.909	69.090.909	69.090.909	69.090.909
Công ty TNHH Total Lubricant Việt Nam	41.299.097	41.299.097	41.299.097	41.299.097
Nhà cung cấp khác	8.740.719	8.740.719	8.740.719	8.740.719
Cộng	119.130.725	119.130.725	119.130.725	119.130.725

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	179.806.955	850.549.152	797.990.583	-	127.248.386
Thuế TNDN	11.452.550	198.105.282	242.128.124	44.022.842	11.452.550	-
Thuế TNCN	-	6.432.114	21.253.197	23.593.778	-	8.772.695
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	194.692.640	-	446.237.685	702.530.325	-	61.600.000
Các loại thuế khác	130.193	-	4.000.000	4.000.000	130.193	-
Cộng	206.275.383	384.344.351	1.564.168.158	1.572.137.528	11.582.743	197.621.081

4.14. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Lương	467.717.154	384.358.077
Cộng	467.717.154	384.358.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí ấn ca	16.470.000	15.120.000
Trích trước tiền điện	11.011.648	10.659.900
Cộng	27.481.648	25.779.900

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Kính phí công đoàn	42.579.992	3.333.992
Công ty TNHH Vạn Lợi (tiền nước phải trả)	289.021.634	289.021.634
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.314.030	6.314.030
Các khoản phải trả khác	29.311.672	29.311.672
Cộng	367.227.328	327.981.328
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	880.550.000	630.050.000
Cộng	880.550.000	630.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(4.668.654.861)	54.728.344.909
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.302.560.150	1.302.560.150
Tại ngày 01/01/2025	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(3.366.094.711)	56.030.905.059
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.367.831.562	3.367.831.562
Tại ngày 31/12/2025	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	1.736.851	59.398.736.621

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	35.082.000.000	35.082.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21.167.660.000	21.167.660.000
Cộng	56.249.660.000	56.249.660.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	56.249.660.000	56.249.660.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	56.249.660.000	56.249.660.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.367.831.562	1.302.560.150
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.367.831.562	1.302.560.150
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	232

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.367.831.562	1.302.560.150
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.367.831.562	1.302.560.150
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.624.966	5.624.966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	599	232

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty.

4.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	3.194.299.043
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	3.194.299.043

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.953.881.282	6.306.498.265
Cộng	8.953.881.282	6.306.498.265

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.410.198.042	1.355.637.312
Cộng	1.410.198.042	1.355.637.312

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	2.291.980.574	2.075.534.181
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	707.690
Cộng	2.291.980.574	2.076.241.871

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	3.642.762
Cộng	-	3.642.762

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.673.146.930	3.111.666.804
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	251.379.966	177.872.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.273.246	170.736.576
Thuế, phí và lệ phí	450.237.685	591.140.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.288.523	1.451.827.485
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	216.876.314	200.000.000
Chi phí khác bằng tiền	40.500.922	16.802.000
Cộng	6.225.703.586	5.720.045.957

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.142.351	354.626.020
Chi phí nhân công	3.673.146.930	3.111.666.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.620.651	1.325.632.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.644.388.523	1.451.827.485
Chi phí khác bằng tiền	514.726.859	631.930.477
Cộng	7.419.025.314	6.875.683.269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.609.959.686	1.302.560.150
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	37.000.000	45.561.834
- Chi phí không hợp lý	1.000.000	9.561.834
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	36.000.000	36.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(2.436.319.067)	(1.348.121.984)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.210.640.619	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	242.128.124	-

6. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/04/2025)	8.500.000	-
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 11/04/2025)	9.500.000	18.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Cao Thủy Linh	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	299.949.346	269.463.533
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	247.088.001	212.730.052

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG****Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki ốt (bao gồm cả dịch vụ điện, nước, gửi xe, máy gập rơm) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với số tiền cho mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	8.953.881.282	6.306.498.265
Cộng	8.953.881.282	6.306.498.265

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ-TĐ ngày 25/04/2012 (Diện tích: 354,7 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ ngày 30/07/2013 (Diện tích: 2.594 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 07/07/2015 (Diện tích: 1.906,7 m²; địa chỉ tại Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 5/10/1993 đến ngày 15/10/2043) và Hợp đồng thuê đất số 113/HĐ-TĐ ngày 30/11/2009 (Diện tích: 78.428 m²; địa chỉ tại Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 28/08/2000 đến 28/08/2040), với số tiền thuê mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	420.478.685	561.381.225
Cộng	420.478.685	561.381.225

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

(Handwritten signature)

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập